

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT 2 - NĂM 2022
(Thi ngày 27/11/2022)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
1	2203360355	Nguyễn Ngọc Phương Anh	11/10/2003	02DL13C1	5.2	Đạt
2	2203240138	Lâm Quế Anh	02/06/2000	02DD13A2	5.3	Đạt
3	2203360368	Nguyễn Hoàng Vân Anh	03/09/1993	02DD13C2	6.0	Đạt
4	2213180042	Trần Thị Ngọc Ánh	18/12/1998	02KT14B1	8.5	Đạt
5	2203360218	Lê Hoàng Gia Bảo	07/10/2005	02TW13C1	8.3	Đạt
6	2203240213	Huỳnh Văn Công	01/01/2000	02YS13A1	4.8	Không Đạt
7	2213240090	Trần Bảo Châu	07/05/1996	02KT14B1	9.2	Đạt
8	2203360220	Nguyễn Khang Duy	12/12/2004	02MK13C1	2.3	Không Đạt
9	2203360001	Phạm Tài Duy	02/10/1990	02DS13D1	2.0	Không Đạt
10	2193360232	Trần Ngọc Mỹ Duyên	26/03/2004	02DL12C1	4.8	Không Đạt
11	1832420068	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	21/02/1999	02SP11B1	5.5	Đạt
12	2203240186	Trần Ngọc Thùy Dương	18/05/2002	02YS13A2	5.0	Đạt
13	213240017	Mai Trần Thùy Dương	03/11/1996	02KT14E1	6.8	Đạt
14	216030079	Lê Minh Đạt	04/12/1994	02MK09C1	5.3	Đạt
15	2203360152	Phan Gia Đạt	11/07/2005	02MK13C1	8.2	Đạt
16	2213240168	Nguyễn Trí Đạt	08/10/1995	02KT14B1	9.3	Đạt
17	2193240043	Võ Văn Đắc	18/04/1990	02DD12B1	7.3	Đạt
18	2203360102	Nguyễn Minh Đăng	28/12/2005	02TW13C1	7.5	Đạt
19	2203240228	Nguyễn Thị Minh Đoan	26/09/1999	02KT13B1	6.7	Đạt
20	2203360330	Nguyễn Minh Đức	02/07/2000	02KT13D1	5.2	Đạt
21	2193360036	Lê Thị Trúc Giang	09/09/2004	02DS12C1	6.2	Đạt
22	2213180043	Nguyễn Thị Hương Giang	22/04/1992	02KT14E1	8.5	Đạt
23	2193360075	Dương Thị Ngọc Hà	28/03/2004	02KT12C1	5.3	Đạt
24	2193360184	Nguyễn Thị Thúy Hằng	04/12/2004	02DS12C1	9.5	Đạt
25	2203360030	Trần Mai Hân	28/12/2005	02DS13C1	4.7	Không Đạt
26	2193360266	Nguyễn Trung Hiếu	07/01/2001	02DD12C1	7.0	Đạt
27	2193240253	Hoàng Huy Hiệu	03/03/2001	02DL13A1	2.7	Không Đạt
28	2203240037	Nguyễn Thị Hoài	10/01/1998	02SP12B1	9.5	Đạt
29	2203240087	Bùi Văn Hoàng	04/06/1999	02MK13B1	3.2	Không Đạt
30	2203240231	Dương Phi Hùng	20/08/2002	02YS13A2	6.0	Đạt
31	2203240278	Lê Văn Hùng	08/07/2002	02TM13B1	3.2	Không Đạt
32	2203360214	Ngô Quang Huy	10/04/2005	02TW13C1	5.5	Đạt
33	2193240101	Lê Quang Huy	23/10/2001	02YS12A1	7.5	Đạt
34	2193360069	Tăng Vĩ Huy	26/11/2004	02DL12C1	5.0	Đạt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
35	2193240050	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	11/12/1998	02MK12A1	9.2	Đạt
36	2193360130	Phạm Đăng Mỹ	Hương	30/08/2004	02DD12C1	6.3	Đạt
37	1832420189	Nguyễn Trung	Kiên	13/09/1998	02YS11A1	8.0	Đạt
38	2203360293	Lương Anh	Kiệt	16/12/2003	02MK13C1	4.5	Không Đạt
39	2203360347	Nguyễn Huỳnh Thúy	Kiều	08/12/2001	02MK13C1	9.3	Đạt
40	2193240124	Trần Thụy Phi	Khanh	11/3/2001	02MK12A1	8.2	Đạt
41	217030109	Trần Quốc	Khánh	25/03/1999	02YS10C1	5.5	Đạt
42	2193240247	Lê Thị	Lanh	22/11/2001	02SP12A1	5.7	Đạt
43	2203360154	Hồ Gia	Liên	23/11/2005	02DS13C2	7.2	Đạt
44	2203360206	Phùng Lâm Tuyết	Linh	08/09/2005	02DD13C2	4.5	Không Đạt
45	2203360238	Trần Thị Thùy	Linh	08/06/2005	02MK13C1	7.5	Đạt
46	2203360277	Đoàn Thị Ngọc	Linh	15/09/2005	02KT13C1	8.2	Đạt
47	1833620073	Võ Thị Thảo	Linh	08/07/1995	02MK11C1	8.3	Đạt
48	2193240371	Nguyễn Thị	Linh	03/09/2001	02DS12A1	5.8	Đạt
49	2203360132	Nguyễn Hoàng Nhật	Long	25/09/2005	02DL13C1	7.3	Đạt
50	2203360213	Ngô Bảo	Lộc	05/04/2004	02MK13C1	5.5	Đạt
51	2203240123	Phạm Bảo	Lộc	08/10/2001	02YS13A1	3.8	Không Đạt
52	213240002	Hồ Kim	Lợi	25/01/1983	02KT14E1	8.0	Đạt
53	1203180006	Nguyễn Thị Chúc	Ly	12/10/1991	02DD13B1	9.0	Đạt
54	2193360280	Uông Lê Trúc	Ly	28/12/2003	02DD12C1	5.3	Đạt
55	2203360120	Lương Thị Trúc	Mai	10/12/2001	02KT13D1	5.3	Đạt
56	2193240290	Võ Thụy Xuân	Mai	26/03/1995	02DD12A1	5.3	Đạt
57	2203240266	Trần Thị Ánh	Mi	12/04/1998	02YS13A2	3.8	Không Đạt
58	2193360109	Ngô Thị Tuyết	Minh	12/4/2001	02KT12C1	7.3	Đạt
59	2203240204	Hiệp Sỹ Công	Minh	05/08/2002	02YS13A1	5.7	Đạt
60	2203360007	Huỳnh Đức	Minh	27/06/1997	02MK13D1	6.7	Đạt
61	2203360095	Đinh Thảo	My	04/07/2005	02TW13C1	4.0	Không Đạt
62	2203360162	Nguyễn Phạm Nhật	Nam	29/01/2005	02TM13C1	6.5	Đạt
63	2203180093	Nguyễn Phương	Nam	21/06/1995	02YS13A2	5.2	Đạt
64	2203360038	Thạch Thị Sô Phi	Ni	07/04/2002	02KT13C1	4.7	Không Đạt
65	2203360336	Nguyễn Thiện Kim	Ngân	01/07/2001	02KT13D1	7.5	Đạt
66	2213240114	Trần Ngọc	Ngân	05/01/1999	02KT14E1	5.8	Đạt
67	2203240323	Nguyễn Thị Như	Ngọc	02/06/2001	02KT13B1	7.8	Đạt
68	2203240175	Lê Thị	Nguyệt	01/01/2001	02DD13A2	8.3	Đạt
69	2203360062	Trần Thụy Trúc	Nhã	12/05/2004	02MK13C1	7.5	Đạt
70	2213240101	Lê Thiện	Nhân	27/06/1995	02KT14B1	8.5	Đạt
71	1203360171	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2004	02DS13C2	4.5	Không Đạt
72	2203360236	Vương Tiên	Nhi	31/08/2005	02MK13C1	8.0	Đạt
73	2203360087	Đặng Yến	Nhi	19/08/2005	02DS13C1	6.0	Đạt
74	2203360087	Đặng Yến	Nhi	19/08/2005	02DS13C1	6.0	Đạt
75	2193360077	Lê Trần Huỳnh	Như	24/02/2004	02DL12C1	4.8	Không Đạt
76	2203360201	Hà Kiều	Oanh	31/01/2005	02DD13C2	7.0	Đạt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
77	2203360246	Đặng Hồng	Phúc	10/06/2005	02KT13C1	9.3	Đạt
78	2203360200	Trần Lê Ngọc	Phúc	14/04/2005	02KT13C1	8.3	Đạt
79	2203240181	Lê Ngọc Duy	Phụng	17/03/1991	02DS13A2	5.3	Đạt
80	2203240227	Nguyễn Minh	Phụng	06/05/2002	02YS13A2	7.8	Đạt
81	2203240244	Hồ Quang	Phước	09/11/2002	02YS13A2	8.0	Đạt
82	2203360003	Đoàn Thanh	Phương	27/02/2001	02KT13C1	7.3	Đạt
83	213240021	Trần Thị Diễm	Phương	27/01/1985	02KT14E1	8.5	Đạt
84	2203180033	Đặng Duy	Quang	17/03/1996	02YS13B1	8.3	Đạt
85	2203360186	Trần Anh	Quốc	13/12/2005	02MK13C1	3.8	Không Đạt
86	2203240272	Văn Minh	Quốc	10/10/2002	02MK13A1	3.2	Không Đạt
87	2203240061	Trần Nguyễn Phương	Quyên	17/09/2000	02DD13A2	9.5	Đạt
88	2213240080	Lê Ngọc	Quỳnh	05/10/1999	02KT14E1	7.5	Đạt
89	2203360197	Lý Thành	Tâm	11/10/2005	02TM13C1	9.2	Đạt
90	2193360165	Trương Thị Thủy	Tiên	24/11/2001	02KT13C1	6.3	Đạt
91	1193240073	Nguyễn Phạm Thủy	Tiên	22/10/2001	02YS12A1	5.0	Đạt
92	2193240179	Vũ Thị Mỹ	Tiên	28/02/2000	02DD12A1	3.7	Không Đạt
93	2203240293	Lê Thị Hồng	Tím	17/07/2002	02DD13A2	4.8	Không Đạt
94	2203240176	Đinh Văn	Toàn	20/05/2002	02YS13A1	7.2	Đạt
95	2203360209	Đặng Anh	Tú	15/10/2005	02DD13C2	5.3	Đạt
96	2203360308	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	26/04/2005	02TM13C1	8.0	Đạt
97	2203240135	Lê Anh	Tuấn	21/09/2001	02YS13A2	7.7	Đạt
98	2203240127	Nguyễn Văn	Tuấn	26/03/1996	02TW13B1	3.8	Không Đạt
99	2203240214	Huỳnh Văn	Tuấn	23/09/2002	02YS13A1	3.0	Không Đạt
100	2203240127	Nguyễn Văn	Tuấn	26/03/1996	02TW13B1	2.5	Không Đạt
101	2203360187	Nguyễn Lê Minh	Tuyền	25/08/2005	02TW13C1	4.8	Không Đạt
102	216020924	Nguyễn Trần Thu	Tuyết	7/7/1998	02YS09A1	5.3	Đạt
103	2203240279	Hồ Công	Tứ	07/07/2002	02YS13A2	6.0	Đạt
104	213240011	Trần Trúc	Thanh	19/3/1997	02KT14E1	6.8	Đạt
105	2193240163	Trần Ngọc	Thành	23/08/2000	02DD12A1	5.8	Đạt
106	2193240157	Nguyễn Thị	Thắm	12/09/1999	02DD12A1	5.5	Đạt
107	2203240116	Ngô Ngọc	Thắng	25/02/1999	02YS13A1	4.7	Không Đạt
108	2203360224	Nguyễn Tuấn	Thị	20/04/2005	02TM13C1	5.2	Đạt
109	2203360192	Trần Hưng	Thịnh	28/08/2005	02TW13C1	5.8	Đạt
110	2203360165	Lê Thanh	Thúy	19/04/2005	02DS13C2	5.5	Đạt
111	2203240033	Trần Thị Anh	Thư	16/08/2001	02YS13A1	8.0	Đạt
112	2193240171	Lê Nguyễn Minh	Thư	10/07/2001	02SP12B1	6.8	Đạt
113	2193360045	La Trí	Thức	25/08/2004	02YS12C1	5.0	Đạt
114	2193360146	Lê Nguyễn Mai	Trang	19/01/2004	02DD12C1	9.0	Đạt
115	2203240230	Đỗ Thị	Trang	03/09/2002	02YS13A2	4.0	Không Đạt
116	2203360313	Nguyễn Ngọc	Trâm	05/01/2002	02KT13C1	7.2	Đạt
117	213240006	Nguyễn Mai Huỳnh	Trân	31/8/2000	02KT14E1	9.3	Đạt
118	2193360009	Vương Thùy Tú	Trình	04/10/2003	02MK12C1	6.7	Đạt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm	Kết quả
119	1832420374	Lê Quốc	Trọng	10/5/1996	02DD11A1	3.5	Không Đạt
120	2203360193	Nguyễn Mai Phương	Trúc	17/09/2005	02DL13C1	3.8	Không Đạt
121	2203240124	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	13/10/2002	02DD13A2	7.3	Đạt
122	2203360199	Nguyễn Thành	Trung	16/01/2005	02TW13C1	7.2	Đạt
123	2213240200	Nguyễn Quốc	Trung	14/5/1982	02KT14B1	6.5	Đạt
124	2203360019	Tiêu Xuân	Trưởng	27/01/2004	02DL13C1	7.2	Đạt
125	2193240156	Đặng Nguyễn Tường	Vi	13/02/2001	02DD12A1	1.3	Không Đạt
126	2203240085	Võ Tấn	Vũ	29/07/1996	02TM13B1	2.7	Không Đạt
127	2203360182	Ngô Ngọc Yến	Vy	16/07/2004	02DD13C2	5.0	Đạt
128	2203360189	Trần Hoàng Yến	Vy	10/03/2005	02KT13C1	5.5	Đạt
129	2203360264	Huỳnh Như	Ý	18/09/2004	02YS13C1	8.2	Đạt

TPHCM, Ngày 28 tháng 11 năm 2022

PHÒNG ĐÀO TẠO